

An Giang, ngày 30 tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH Vận hành lưới điện tỉnh An Giang tháng 12/2025

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương về Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;

Căn cứ Công văn số 6629/EVN SPC ngày 28/08/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc kế hoạch cung cấp điện;

Căn cứ Phương thức 2901/SSO-PT ngày 28/11/2025 của Trung tâm Điều độ HTĐ miền Nam (SSO) về việc phương thức vận hành HTĐ miền Nam tháng 12/2025.

Công ty Điện lực An Giang (PCAG) lập kế hoạch vận hành lưới điện tỉnh An Giang tháng 12/2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH THÁNG 11/2025

Trong tháng 11/2025, PCAG đã đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định và tin cậy cho khách hàng trên địa bàn tỉnh An Giang; ngoại trừ khu vực Đặc khu Phú Quốc phải điều tiết phụ tải để cấp điện luân phiên do sự cố đđ 110kV 173 Hà Tiên – 172 Phú Quốc ngày 29/11/2025.

Sản lượng điện nhận tháng 11/2025 đạt 528,8 triệu kWh (đã bao gồm điện nhận từ năng lượng mặt trời), cao hơn 6% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng bình quân ngày là 17,6 triệu kWh, sản lượng ngày cao nhất đạt 19,5 triệu kWh (ngày 11/11/2025) và công suất ngày cao nhất là 921,2 MW (ngày 11/11/2025).

Stt	Sản lượng - Công suất	HTĐ	Tháng 11		So sánh cùng kỳ (%)
			Năm 2025	Năm 2024	
1	Sản lượng điện nhận	A tháng (kWh)	528.805.138	498.660.488	6,05
		A ngày tb (kWh)	17.626.838	16.622.016	6,05
		A ngày max (kWh)	19.458.649	17.359.379	12,09
		A ngày min (kWh)	14.877.451	14.736.771	0,95
2	Công suất	P max (MW)	921,2	904,0	1,90
		P min (MW)	360	359	0,28

1. Các chỉ tiêu kỹ thuật – vận hành

1.1. Tình hình mất điện

Mất điện do sự cố nguồn: Không.

1.2. Tình hình vận hành hệ thống điện

- Về đường dây 110kV

+ Đường dây 110kV thường xuyên vận hành trên 80%: Không

Về trạm 110kV

+ Các MBA: T1 Tịnh Biên, T2 An Biên, T2 Nam Phú Quốc, T1 An Châu, T1 Minh Phong đầy tải ngắn hạn >80% do chuyển tải phục vụ công tác.

+ MBA T1 Tri Tôn, T1 Hà Tiên, T2 Hòn Đất, T2 Kiên Lương 2: một số ngày nắng tốt, công suất phát ngược từ lưới 22kV lên lưới 110kV trong khoảng thời gian từ 10:00 - 14:00.

1.3. Độ tin cậy cung cấp điện (phân phối)

Tháng 11 và lũy kế 11 tháng: Thực hiện đạt 03 chỉ tiêu MAIFI, SAIDI và SAIFI.

Thực hiện/Kế hoạch	Năm 2025 (Phân phối)			Năm 2024 (Phân phối)			So sánh thực hiện năm 2025/năm 2024 (Phân phối)		
	MAIFI (lần)	SAIDI (phút)	SAIFI (lần)	MAIFI (lần)	SAIDI (phút)	SAIFI (lần)	MAIFI [%]	SAIDI [%]	SAIFI [%]
T/h Tháng 11	0,108	30,43	0,113	0,074	24,02	0,106	46%	27%	7%
Lũy kế 11 tháng	0,630	208,85	1,337	0,943	231,59	1,863	-33%	-10%	-28%
Thực hiện 11T/KH năm	26%	85%	58%	39%	92%	79%	-32%	-8%	-26%
Kế hoạch năm	2,39	247	2,29	2,43	253	2,37			

1.4. Về sự cố lưới điện

1.4.1. Sự cố lưới 22kV:

Tháng 11/2025 xảy ra 18 vụ sự cố, giảm 8 vụ so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó sự cố KD là 10 vụ, giảm 16 vụ; sự cố TQ là 8 vụ, tăng 7 vụ so với cùng kỳ; sự cố TBA 03 vụ, bằng số vụ so với cùng kỳ năm 2024.

Lũy kế 11 tháng năm 2025, xảy ra 270 vụ sự cố, giảm 121 vụ so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó sự cố KD là 166 vụ, giảm 103 vụ; sự cố TQ là 104 vụ, tăng 36 vụ; sự cố TBA 13 vụ, giảm 08 vụ so với cùng kỳ năm 2024.

1.4.2. Sự cố lưới 110kV:

Tháng 11/2025: 01 vụ KD đđ 110kV 173 Hà Tiên – 172 Phú Quốc.

Lũy kế 11 tháng 2025, xảy ra 05 vụ sự cố, tăng 02 vụ so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó sự cố KD là 04 vụ, tăng 02 vụ so với cùng kỳ; sự cố TQ là 00 vụ, bằng vụ so với cùng kỳ, sự cố TBA 01 vụ, bằng số vụ so với cùng kỳ.

2. Tình hình điện áp thấp, mang tải cao, đầy/quá tải

- Điện áp thấp: Không.

- Đường dây 22kV mang tải cao (>300A): 471 Phú Quốc, 476 Phú Quốc, 472 An Châu, 478 An Châu, 477 An Châu, 471 Nam PQ, 473 Nam PQ, 475 Nam PQ.

3. Tình hình huy động công suất nguồn điện mặt trời mái nhà

Thực hiện huy động công suất tối đa nguồn điện mặt trời mái nhà theo phân bổ hàng tuần của Tổng công ty, cụ thể:

- Ngày 1/11/2025: từ 7:30 - 15:00: huy động 154,65MW/395MW
- Ngày 2/11/2025: từ 8:00 - 14:00: huy động 131,15MW/395MW
- Ngày 3/11/2025 – 7/11/2025: từ 9:30 - 13:30: huy động 138,89MW/395MW
- Ngày 8/11/2025: từ 8:30 - 14:30: huy động 166,05MW/395MW
- Ngày 9/11/2025: từ 8:30 - 14:30: huy động 124,51MW/395MW
- Ngày 10/11/2025 – 14/11/2025: từ 9:00 - 13:30: huy động 158,71MW/395MW
- Ngày 15/11/2025: từ 9:30 - 13:30: huy động 159,41MW/395MW
- Ngày 16/11/2025: từ 7:00 - 15:30: huy động 101,61MW/395MW
- Ngày 17/11/2025 – 21/11/2025: từ 8:30 - 11:30: huy động 150,48MW/395MW
- Ngày 22/11/2025: từ 9:00 - 13:00: huy động 143,74MW/395MW
- Ngày 23/11/2025: từ 6:00 - 15:00: huy động 90,21MW/395MW
- Ngày 24/11/2025 – 28/11/2025: từ 10:00 - 13:00: huy động 173,28 MW/395MW
- Ngày 29/11/2025: từ 12:00 - 12:00: huy động 102,9 MW/395MW
- Ngày 30/11/2025: từ 09:30 - 14:00: huy động 142,75 MW/395MW

II. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THÁNG 12/2025

1. Dự kiến sản lượng điện nhận, công suất

- Sản lượng điện nhận dự kiến: 546 triệu kWh, tăng 3% so với tháng 11/2025.
- Công suất lớn nhất trong tháng: Pmax ~ 930 MW.
- Công suất nhỏ nhất trong tháng: Pmin ~ 350 MW.

Stt	Sản lượng - Công suất	HTĐ	Tháng 12		So sánh cùng kỳ (%)
			Năm 2025	Năm 2024	
1	Sản lượng điện nhận	A tháng (kWh)	544.669.292	513.620.303	6,05
		A ngày tb (kWh)	17.569.977	17.120.677	2,62
		A ngày max (kWh)	19.653.236	17.532.973	12,09
		A ngày min (kWh)	15.323.775	15.178.874	0,95
2	Công suất	P max (MW)	930	840	10,76
		P min (MW)	350	310	12,90

2. Kế hoạch huy động nguồn điện năng lượng mặt trời

- NMD mặt trời Bình Hòa 10MW: Huy động công suất phát tối đa theo phân bổ trên trang web: www.thitruongdien.evn.vn của đơn vị Điều độ HTĐ quốc gia.

- Nguồn năng lượng mặt trời mái nhà: Thực hiện theo văn bản công bố công suất huy động tối đa nguồn năng lượng mặt trời mái nhà hàng tuần của Tổng công ty.

3. Kết dây cơ bản lưới điện 110kV

Stt	Trạm 110kV	Chỉ danh	Trạng thái	Ghi chú
-----	------------	----------	------------	---------

Stt	Trạm 110kV	Chỉ danh	Trạng thái	Ghi chú
1.	Long Xuyên	MC 171	Thường mở	MBA T1, T2 nguồn Long Xuyên 2
2.	An Châu	MC 421	Thường mở	Trạm nhận nguồn Long Xuyên 2 MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
3.	Chợ Mới	MC 412	Thường mở	Trạm nhận nguồn Cao Lãnh 2 MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
4.	Phú Châu	MC 421	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 ĐZ 110kV cấp T2 Hồng Ngự
5.	Cái Dầu	MC 132	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 MBA T1 cấp C41, C42
6.	Châu Đốc	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
7.	Tri Tôn	MC 132	Thường mở	MBA T1 cấp C41, C42 MBA T2 vận hành kinh tế
8.	Thoại Sơn	MC 131	Thường mở	MBA T2 cấp C41, C42 MBA T1 vận hành kinh tế
9.	Phú Tân	MC 172	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2
10.	An Phú	MC 132	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 MBA T1 cấp C41, C42
11.	Hòn Đất	MC 171	Thường mở	Trạm nhận nguồn Kiên Bình MBA T2 cấp C42
12.	Kiên Lương 2	MC 172	Thường mở	Trạm nhận nguồn Kiên Bình MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
13.	Hà Tiên	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
14.	Minh Phong	MC 412	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
15.	Rạch Giá	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42

4. Kết dây cơ bản lưới điện 22kV (khác trạm 110kV)

Theo phụ lục đính kèm.

5. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới 110kV, 22kV

- Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện lưới 110kV tháng 12/2025:

Tên thiết bị, đường dây	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Nội dung công việc
- Trạm Giồng Riềng: MBA T1, MBA T2, MC 131, MC 132, MC 171, MC 172, MC 174, MC 112, TC C41, TC C42	06/12/2025 06:00	06/12/2025 17:00	Cài tạo hệ thống AC/DC
- Trạm 110KV Châu Đốc: MC 171, MC 112, MC 131, MBA T1, MC 431	06/12/2025 06:00	06/12/2025 16:00	Thí nghiệm định kỳ/CBM năm 2026
- Trạm 110KV An Châu: MC	07/12/2025	07/12/2025	Thí nghiệm định kỳ/CBM

Tên thiết bị, đường dây	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Nội dung công việc
112, MC 132, MC 172, MBA T2, MC 432	06:00	16:00	năm 2026
- Cô lập đường dây 110kV 176 Long Xuyên 2 - 172 An Châu	8/12/2025 06:00	23/12/2025 16:00	Thực hiện BPAT bàn giao Cty CP Tập Đoàn Thành Huy khoan cọc nhồi vị trí trụ T4, T5 máy khoan cần vượt qua tỉnh không tại khoảng trụ N31 - N32 của đường dây 176 Long Xuyên 2 - 172 An Châu
- Trạm 110KV Chợ Mới: MC 132, MBA T2, MC 432	13/12/2025 06:00	13/12/2025 16:00	Thí nghiệm định kỳ/CBM năm 2026.
- Trạm 110KV Thoại Sơn: MC 131, MBA T1, MC 431	14/12/2025 06:00	14/12/2025 16:00	Thay 02 bát sứ pha B trụ 171 đường dây 110kV Châu Đốc 2 - Cái Dầu (kết hợp công tác PTC04
-Trạm 110kV Tri Tôn: MC 132, MBA T2, MC 432. - Đường dây 171 NMĐMT Sao Mai - 171-7 Tri Tôn	20/12/2025 06:00	20/12/2025 16:00	Thay DCL 171-7 trạm 110kV Tri Tôn.
- Đường dây: 172 Rạch Giá 2 - 172 Rạch Giá	27/12/2025 06:00	30/12/2025 23:00	Nâng cấp hệ thống điều khiển bảo vệ cho ngăn lộ 172 theo đề nghị của SPMB
-Trạm 110kV Kiên Lương: DCL 171-7, DCL 172-7, MBA T1, MBA T3. - Đường dây: 174 Kiên Bình – 171-7 Kiên Lương; 172 Kiên Lương 2- 172-7 Kiên Lương	29/12/2025 07:00	29/12/2025 18:00	Bảo Trì trạm điện 110KV - Kiên Lương; PTC4: TNĐK: 03 năm MC174, TU174 pha B; 03 năm DCL 174-1, DCL 174-2, DCL 174-7; 06 năm Rơ le ngăn 174; Bảo dưỡng thiết bị trong phạm vi cắt điện. Cài đặt, thử nghiệm rơ le ngăn 174 theo vb 1171/SSO-PT ban hành ngày 29/05/2025 - Kiểm định đo lường TI174. - Thay động cơ điều khiển DCL 174-1." ; Cty SPN thay TI ngăn 172 trạm 110 kV Kiên Lương 2

- Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện lưới 22kV tháng 12/2025: Triển khai thi công các công trình ĐTXD, SCL.

6. Kế hoạch vận hành lưới 22kV, 110kV

Các khu vực khác vận hành theo kết cấu cơ bản lưới điện 22kV, 110kV như hiện nay, đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định và tin cậy cho khách hàng trên địa bàn;

đảm bảo cấp điện cho các sự kiện chính trị quan trọng của tỉnh. Riêng khu vực Phú Quốc vận hành theo phương thức hàng ngày để linh hoạt cung cấp điện luân phiên cho khách hàng trong thời gian xử lý sự cố đđ 110kV 173 Hà Tiên – 172 Phú Quốc.

Chuẩn bị sẵn sàng các phương án cung cấp điện để đối phó kịp thời với diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai trong mùa mưa bão; nắm bắt tình hình tại địa phương để có phương án cung ứng điện kịp thời.

Tăng cường công tác quản lý vận hành, kiểm tra hành lang ATLĐCA, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tại địa phương trong công tác tuyên truyền và xử lý; tăng cường công tác kiểm tra các vị trí xung yếu, các khu vực có nhiều cây cối, khu vực đông dân cư, khu vực có công trường xây dựng, khu vực có phụ tải tăng cao bất thường để có giải pháp phù hợp chi tiết triển khai tại từng khu vực nhằm giảm thiểu tối đa sự cố lưới điện.

Thực hiện huy động công suất ĐMTMN theo công bố công suất huy động của nguồn ĐMTMN tránh quá tải lưới điện.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình cải tạo nâng cấp, ĐTXD lưới điện đảm bảo hoàn thành công trình theo tiến độ được giao.

Thực hiện kế hoạch, phương án đảm bảo cung cấp điện năm 2025, phương án ứng phó mất cân đối cung cầu hệ thống điện, kế hoạch vận hành lưới điện tháng của PCAG, phương thức vận hành của SSO. Triển khai thực hiện đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định trong các tháng mùa mưa bão năm 2025./.

Phụ lục : Kết dây cơ bản lưới điện 22kV (khác trạm 110kV)

Stt	Phát tuyến 1	Phát tuyến 2	Vị trí trụ	Thiết bị thường mở
1.	478 Long Xuyên	478 An Châu	478LX/110	LBS
2.	482 Long Xuyên	477 An Châu	482LX/137	MC
3.	480 Long Xuyên	479 Long Xuyên 2	472-480LX/56A	LBS
4.	473 Long Xuyên	473 Thới Thuận	472-473TT/14/23	MC
5.	475 Long Xuyên	472 Thới Thuận	472-473TT/14/19A	MC
6.	471 Long Xuyên 2	471 Thoại Sơn	473-471TS/215	LBS
7.	473 Long Xuyên 2	473 Thoại Sơn	473-471TS/214	LBS
8.	474 Thoại Sơn	477 Tri Tôn	474TS/415	LBS
9.	475 An Châu	473 Cái Dầu	473CD/202	MC
10.	481 An Châu	479 Tri Tôn	481AC/301	LBS
11.	471 Cái Dầu	472 Châu Đốc	471CD/189	LBS
12.	475 Cái Dầu	479 Tri Tôn	475CD/492	MC
13.	476 Cái Dầu	481 An Châu	481AC/323	LBS
14.	471 Tri Tôn	475 Tịnh Biên	471TT/318/220	DS
15.	478 Tri Tôn	481 Tịnh Biên	481TB/277	MC
16.	475 Châu Đốc	471 An Phú	475CĐ/79/32B/2A	LBS
17.	480 An Phú	472 Phú Châu	472PC/134	LBS
18.	482 An Phú	476 Phú Châu	472PC/118.157.3	LBS
19.	476 Phú Châu	475 Phú Tân	474PC/66.108	MC
20.	477 Phú Châu	480 Phú Tân	477PC/341	MC
21.	473 Phú Tân	471 Chợ Mới	475PT/346	LBS
22.	473 Phú Tân	472 Chợ Mới	482CM/121	MC
23.	479 Chợ Mới	472 Hội An	475TH/372	LBS
24.	472 Hội An	475 Thạnh Hưng	475TH/46	MC
25.	480 Hội An	482 Chợ Mới	480-482CM/264	DS
26.	482 Hội An	482 Thạnh Hưng	477TH/146	MC
27.	478 Châu Đốc	479 Tịnh Biên	471CĐ/179	MC
28.	471 Rạch Giá	476 Vĩnh Quang	471RG/86	DS
29.	475 Rạch Giá	476 Vĩnh Quang	475RG/97	DS
30.	475 Rạch Giá	480 Vĩnh Quang	475RG/81/1	LBS
31.	474 Rạch Giá	472 Vĩnh Quang	474RG/95	DS
32.	476 Rạch Giá	471 Chung Sư	471-473CS/90	LBS

Stt	Phát tuyến 1	Phát tuyến 2	Vị trí trụ	Thiết bị thường mở
33.	476 Rạch Giá	477 Chung Sư	471CS/3/88	DS
34.	478 Rạch Giá	473 Chung Sư	471-473CS-476-478RG/5P	LBS
35.	474 Vĩnh Quang	474 Hòn Đất	474HĐ/270	LBS
36.	471 Chung Sư	474 Rạch Giá	474RG/38D/78	LBS
37.	475 Chung Sư	475 Thạnh Đông	475CS/475TĐ/95	LBS
38.	477 Chung Sư	477 Thạnh Đông	477TĐ/477CS/112	LBS
39.	476 Minh Phong	477 Giồng Riềng	476MP/183	LBS
40.	478 Minh Phong	473 Chung Sư	478MP/185A	LBS
41.	480 Minh Phong	471 Chung Sư	478MP/471/2	LBS
42.	471 Minh Phong	472 An Biên	472AB/159	LBS
43.	477 Thạnh Đông	471 Giồng Riềng	472GR/131	LBS
44.	472 Thạnh Đông	478 Vĩnh Thạnh (PC Cần Thơ QLVH)	478VT/367 (Cần Thơ QLVH)	LBS
45.	477 Giồng Riềng	481 Gò Quao	481GQ/253	LBS
46.	479 Gò Quao	471 Vị Thanh (PC Cần Thơ QLVH)	471VT/390	MC
47.	478 An Biên	473 U Minh Thượng	478AB/39	MC
48.	472 An Biên	479 U Minh Thượng	472AB/138/5P	MC
49.	471 U MinhThượng	474 Vĩnh Thuận	471UMT/132	MC
50.	478 Vĩnh Thuận	476 An Xuyên (PC Cà Mau QLVH)	478VT/102	MC
51.	472 Hòn Đất	471 Kiên Lương 2	472HĐ/265	LBS
52.	477 Kiên Lương 2	480 Hà Tiên	477KL2/130	LBS
53.	475 Hà Tiên	471 Tri Tôn	475HT/343	LBS
54.	473 Phú Quốc	471 Nam Phú Quốc	482-480NPQ/242	LBS
55.	475 Phú Quốc	473 Nam Phú Quốc	482-480NPQ/246	LBS
56.	480 Phú Quốc	475 Nam Phú Quốc	472PQ/157/14	LBS